

DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG SỬA CHỮA, NÂNG CẤP TRỤ SỞ LÀM VIỆC

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG, SỬA CHỮA TRỤ SỞ LÀM VIỆC UBND XÃ BA ĐỘNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ BA ĐỘNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Ba Động)

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ (G)	THUẾ GTGT (VAT 8%)	CHI PHÍ SAU THUẾ (G _{XD})	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
I	Chi phí xây dựng	Khối lượng x đơn giá	3.089.303.000	247.144.240	3.336.447.240	G_{XD}	
1.1	Nâng cấp, Mở rộng sửa chữa khối nhà 2 tầng phía tây (bao gồm mở rộng thêm 4 phòng làm việc, sơn toàn bộ dãy nhà, thay 6 cửa sổ và 6 cửa chính, thay toàn bộ gạch nền dãy nhà, Thay toàn bộ xà gỗ và mái tôn dãy nhà)		1.325.228.000	106.018.240	1.431.246.240	G1	
a	Mở Rộng thêm 4 phòng làm việc	Tạm tính	850.000.000	68.000.000	918.000.000	G1.1	
b	Sơn toàn bộ dãy nhà nhà tầng phía tây	590m ² *350.000đ	206.500.000	16.520.000	223.020.000	G1.2	
c	Thay 06 cửa sổ và 06 cửa chính	(1,2mx2mx6+1,4x1,2x6)*2.400.000	44.928.000	3.594.240	48.522.240	G1.3	
d	Thay toàn bộ xà gỗ và mái tôn, chống thấm	(15mx7,2m)*850.000	91.800.000	7.344.000	99.144.000	G1.4	
e	Thay toàn bộ gạch nền nhà và lan can, hành lang	240m ² *550.000đ	132.000.000	10.560.000	142.560.000	G1.5	
1.2	Nâng cấp, Mở rộng sửa chữa khối nhà 2 tầng trung tâm(sơn toàn bộ dãy nhà trung tâm, thay 10 cửa sổ và 10 cửa chính, và 16 cửa hông, thay toàn bộ gạch nền dãy nhà và hành lan, Thay toàn bộ xà gỗ và mái tôn dãy nhà, Thay mới lan can cầu thang)		1.313.825.000	105.106.000	1.418.931.000	G2	
a	Sơn toàn bộ dãy nhà trung tâm	1450m ² *350.000đ	507.500.000	40.600.000	548.100.000	G2.1	
b	Thay mới 10 cửa sổ, 10 cửa chính, 10 cửa hông	(1,4m*1,9m*10+0,93m*2,7m*10+2m*2m*10)*2.400.000	220.800.000	17.664.000	238.464.000	G2.2	

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ (G)	THUẾ GTGT (VAT 8%)	CHI PHÍ SAU THUẾ (G _{XD})	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
c	Thay mới nền gạch phòng làm việc, hành lang và lan can	465m ² *550.000đ	255.750.000	20.460.000	276.210.000	G2.3	
d	Thay toàn bộ xà gỗ và mái tôn, chống thấm dột nhà trung tâm	(39mx8,5m)*850.000	209.525.000	16.762.000	226.287.000	G2.4	
e	Thay mới lan can cầu thang	72m ² *1.000.000	65.000.000	5.200.000	70.200.000	G2.5	
f	Thay mới vách kính	65m ² *850.000đ	55.250.000	4.420.000	59.670.000	G2.6	
1.3	Nâng cấp Sửa chữa nhà để xe cán bộ nhân viên	120,0m ² x 1.500.000đ	180.000.000	14.400.000	194.400.000	G3	
1.4	Nâng cấp Sửa chữa trụ cò	15,0m ² x 4.500.000đ	67.500.000	5.400.000	72.900.000	G4	
1.5	Xây mới nhà vệ sinh diện tích 16m ²	16,0m ² x 6.500.000 đ	104.000.000	8.320.000	112.320.000	G5	
1.6	Nâng cấp sửa chữa cổng vào Ủy ban xã Ba Đông	Tạm tính	69.000.000	5.520.000	74.520.000	G6	
1.7	Sơn lại tường rào bao quanh	85m ² *350.000đ	29.750.000	2.380.000	32.130.000	G7	
II	Chi phí quản lý dự án	ql_{da1}	106.457.381	0	106.457.381	GQLDA	Thông tư số 12/2021/TT-BXD
1	Công trình dân dụng	G*3,446%	106.457.381	0	106.457.381	ql _{da1}	
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	tv₁ + + tv₃	331.288.299	26.503.064	357.791.362	GTV	
1	Khảo sát đo vẽ hiện trạng và lập bản vẽ thi công và dự toán	tv_{1.1}	225.804.695	18.064.376	243.869.071	tv₁	
1.1	Chi phí khảo sát đo vẽ hiện trạng	Theo dự toán chi tiết	25.000.000	2.000.000	27.000.000	tv _{1.1}	
1.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	G*6,5%	200.804.695	16.064.376	216.869.071	tv _{1.2}	Thông tư số 12/2021/TT-BXD
2	Thẩm tra thiết kế	tv_{2.1} + ... + tv_{2.2}	4.000.000	320.000	4.320.000	tv₂	
2.1	Chi phí thẩm tra Bản vẽ thi công	0,258%*G*1,08 TT 2,16 triệu	2.000.000	160.000	2.160.000	tv _{2.1}	Thông tư số 12/2021/TT-BXD
2.2	Chi phí thẩm tra dự toán	0,250%*G*1,08 TT 2,16 triệu	2.000.000	160.000	2.160.000	tv _{2.2}	
3	Giám sát thi công xây dựng	tv_{3.1} + tv_{3.2}	101.483.604	8.118.688	109.602.292	tv₃	Thông tư số 12/2021/TT-BXD
3.1	Chi phí giám sát xây dựng	G*3,285%	101.483.604	8.118.688	109.602.292	tv _{3.1}	
4	Chi phí thẩm định giá	Tạm tính	0	0	0	tv₄	

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ (G)	THUẾ GTGT (VAT 8%)	CHI PHÍ SAU THUẾ (G _{XD})	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
IV	Chi phí khác	$k_1 + \dots + k_3$	600.000	0	600.000	G _k	
1	Thẩm định Bản vẽ thi công và dự toán	$tv_2 * 15\%$	600.000	0	600.000	k ₁	(TT 12/2021/TT-BXD)
V	Dự phòng chi	Tạm tính			48.704.016	G _{DP}	
	Tổng chi phí	$G_{XD} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K + G_{DP}$			3.850.000.000	G _{XDCT}	

Bảng chữ: Ba tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng./.

14
7
6,5

$$=(1,2x2x6+1,4x1,2x6)*2.400.000$$

18,72

44.928.000

8
27
3,9

790m2*

1450,4

91,71

84000000

459